

# CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI MINH CHÂU 68

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI MINH CHÂU 68

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH CHAU 68 CONSTRUCTION AND TRANSPORTATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH CHAU 68 TRANSPORTATION CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301199086

**3. Ngày thành lập:** 06/01/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 86, Khu phố Vĩnh Kiều 1, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0983177167

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng vật liệu khác;<br>- Lắp đặt thiết bị đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự;<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất;<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp tường. | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4511     |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4513     |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4520     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 9.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659     |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni ;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay : Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác . | 4663        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                        | 8299        |
| 15. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                              | 1610        |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                           | 1621        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                     | 1622        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                | 4799        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                              | 4933(Chính) |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                 | 5210        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 22. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                               | 3100        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4101        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                               | 4211        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                          | 4223        |
| 30. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                           | 4229        |
| 31. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                    | 4291        |
| 32. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                             | 4292        |
| 33. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                       | 4293        |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                  | 4299        |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4752        |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ TRỌNG HÀM  | Việt Nam  | Khu phố Vĩnh Kiều 1, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 5.940.000.000         | 60,000    | 125142294                                                                                               |         |
| 2   | PHẠM THỊ TÚ    | Việt Nam  | Khu phố Vĩnh Kiều 1, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 3.960.000.000         | 40,000    | 125208863                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ TRỌNG HÀM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125142294

Ngày cấp: 02/08/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Khu phố Vĩnh Kiều 1, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Vĩnh Kiều 1, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh